

TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-PT
Ngày 29/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 2

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Lương Hữu Thật.

Các Thẩm phán:

4// Lê Trung Dũng;

3// Trịnh Xuân Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** 3/ Trần Hạnh Nguyên - Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 2.

- **Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 2 tham gia phiên tòa:** 3// Đỗ Minh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án; Tòa án quân sự Quân khu 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/TLPT-HS ngày 05/7/2024 đối với bị cáo Bàn Văn H do có kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại Chúng Đức L (bà Chúng Hương T); kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Quân khu 2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2.

- **Bị cáo bị kháng cáo, kháng nghị:** **Bàn Văn H**, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2001 tại xã TB, huyện VX, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Xã NĐ, thành phố HG, tỉnh Hà Giang (nơi đơn vị đóng quân); cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: B1, Chiến sĩ, d1, e877 - Bộ CHQS tỉnh HG; trình độ học hoá: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn B và bà Bàn Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/11/2023 đến ngày 12/7/2024 đi chấp hành án tại Trại tạm giam Quân khu 2 - Có mặt.

- **Lý lịch bị hại:** Anh Chúng Đức L, sinh ngày 06/01/1999; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn HT, xã TB, huyện VX, tỉnh Hà Giang (đã chết ngày 09/10/2023).

- *Đại diện hợp pháp của bị hại Chúng Đức L:* Chị Lý Thị T2, sinh năm 2001; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn HT xã TB, huyện VX, tỉnh Hà Giang - Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại (người đại diện theo ủy quyền của bị hại) Chúng Đức L có kháng cáo:* Bà Chúng Hương T (là cô ruột bị hại), sinh năm 1987; nơi cư trú: Phường NH, thành phố HG, tỉnh Hà Giang được chị Lý Thị T2, sinh năm 2001; ông Chúng Văn N, sinh năm 1977 đều cư trú tại xã TB, huyện VX, tỉnh Hà Giang; bà Mường Thị M, sinh năm 1977, nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh Hà Giang (là vợ, bố mẹ đẻ của bị hại Chúng Đức L) ủy quyền ngày 15/02/2024 - Có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Văn T4 - Vắng mặt.
2. Chị Nguyễn Thị H2 - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bàn Văn H là chiến sĩ được e 877 - Bộ CHQS tỉnh HG giải quyết về nghỉ phép tại xã TB, huyện VX, tỉnh Hà Giang. Khoảng 10 giờ ngày 20/8/2023 bị cáo H (không có giấy phép lái xe mô tô) tự ý lấy xe mô tô biển kiểm soát 23H7 - 6210 của bố đẻ đi đến nhà bạn chơi, sau khi ăn cơm, uống rượu bia xong, H cùng một số bạn đi hát karaoke. Trên đường đi về, H điều khiển xe mô tô chở phía sau là chị Lý Thị Thu H3 đi theo hướng xã NĐ đi xã TB. Đến khoảng 14 giờ khi đến Km13 + 910 thuộc địa phận thôn HT, xã TB, huyện VX, tỉnh Hà Giang, đây là đoạn đường cua sang trái theo chiều đi của H, khi đi hết đoạn đường cua, xe lúc này đi ở khoảng gần giữa đường. Do không chú ý quan sát và giảm tốc độ nên bánh trước xe mô tô do H điều khiển đã đâm vào cang trước bên trái và trượt theo dọc xe mô tô biển kiểm soát 23B1 - 35260 do anh Chúng Đức L điều khiển chở bà Lăng Thị V đi theo chiều ngược lại vừa vượt một xe mô tô phía trước cùng chiều đi tới, làm hai xe mô tô bị vướng đổ sang phần đường bên trái theo hướng xe mô tô do H điều khiển, 04 người ngồi trên xe ngã xuống đường.

Hậu quả: Anh L bị chấn thương sọ não chết ngày 09/10/2023; bà V bị tổn hại 26% sức khỏe, chị H3 bị tổn hại 29% sức khỏe; 02 xe mô tô hư hỏng trị giá thiệt hại là 4.300.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2 đã quyết định:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Bàn Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự (BLHS) xử phạt bị cáo Bàn Văn H 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, Điều 585, Điều 586; khoản 4 Điều 585; các Điều 590, Điều 591 và Điều 601 Bộ

luật Dân sự (BLDS) buộc bị cáo Bàn Văn H phải bồi thường cho gia đình bị hại Chúng Đức L số tiền 140.614.490 (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi) đồng. Bị cáo đã bồi thường 59.000.000 (Năm mươi chín triệu) đồng, số tiền còn phải bồi thường tiếp là 81.614.490 (Tám mươi một triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi) đồng.

Buộc bị cáo Bàn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Chúng Thảo N (sinh ngày 26/11/2020) mỗi tháng 1.625.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng từ ngày 20/8/2023 đến ngày cháu đủ 18 tuổi và cháu Chúng Ngọc T5 (sinh ngày 19/10/2023) mỗi tháng 1.625.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng từ ngày 19/10/2023 đến ngày cháu đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lăng Thị V, bồi hoàn chi phí khám chữa bệnh cho Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội; tính lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại và đương sự.

- Ngày 19 tháng 6 năm 2024, bà Chúng Hương T, người đại diện theo ủy quyền của bị hại Chúng Đức L có đơn kháng cáo Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2, với nội dung: Gia đình tôi chấp nhận về hình sự và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Chúng Thảo N và Chúng Ngọc T5 đến khi đủ 18 tuổi. Không chấp nhận mức bồi thường thiệt hại 140.614.490 đồng của bị cáo Bàn Văn H cho gia đình bị hại Chúng Đức L. Vì, HĐXX sơ thẩm đã nhận định bị cáo H có nhiều lỗi vi phạm, làm 01 người chết và 02 người bị thương (bà Lăng Thị V tổn thương 26%, chị Lý Thị Thu H3 tổn thương 29%). Bản thân bị cáo là chiến sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam đã được giáo dục, rèn luyện có năng lực trình độ, hiểu biết về pháp luật song vẫn vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông. Bị hại L có lỗi ít hơn (chỉ một lỗi duy nhất); do bị cáo H đã đi xe mô tô đâm vào bị thương nặng phải điều trị dài ngày do vết thương sọ não nặng. Gia đình bị hại đã tốn kém rất nhiều tiền của, công sức để cứu chữa nhưng bị hại L đã tử vong.

Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét buộc bị cáo H có lỗi nhiều hơn bị hại L. Do bị hại L đã chết nên bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại L với tỷ lệ là 70% tổng số tiền mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên án tại bản án số 08/2024/HS-ST là 184.260.268 đồng đã bồi thường số tiền 59.000.000 đồng; yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền còn lại là 125.260.286 đồng.

- Ngày 25 tháng 6 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự (VKSQS) Quân khu 2 kháng nghị mức cấp dưỡng của bị cáo Bàn Văn H đối với cháu Chúng Thảo N và cháu Chúng Ngọc T5 tại Bản án sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2. Đề nghị Tòa án quân sự Quân khu 2 xét xử phúc thẩm sửa Bản án hình sự sơ thẩm giảm mức cấp dưỡng của bị cáo Bàn Văn H đối với hai con của bị hại Chúng Đức L theo quy định của pháp luật.

- Ngày 02 tháng 7 năm 2024, Tòa án quân sự Quân khu 2 đã mở phiên họp xét kháng cáo quá hạn. Hội đồng xét kháng cáo quá hạn đã ra Quyết định giải quyết kháng cáo quá hạn số 01/2024/HSPT-QĐ, chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Chúng Hương T, là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Chúng Đức L đối với

Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2, với lý do: Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), thời hạn kháng cáo của Bản án sơ thẩm số 08/2024/HS-ST là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/5/2024). Theo tinh thần hướng dẫn tại mục 4, phần I Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/5/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì thời hạn kháng cáo hết vào 24 giờ ngày 12/6/2024; việc, đơn kháng cáo của bà T ghi ngày 12/4/2024, trong khi vụ án được xét xử vào ngày 28/5/2024 là do bà T đánh máy nhầm. Dấu bưu điện nơi gửi đơn kháng cáo được đóng ngày 19/6/2024. Từ ngày 10 đến ngày 12/6/2024 trên địa bàn xã NĐ, thành phố HG, tỉnh Hà Giang xảy ra mưa lớn; ngày 10/6/2024, mưa to gây ngập úng làm tê liệt giao thông trong thành phố HG. Đồng thời, bà T là thành viên Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được Ủy ban nhân dân (UBND) xã NĐ huy động tham gia khắc phục thiên tai. Ngày 11/6/2024, bà T bị đau đầu, sốt cao xin nghỉ điều trị tại nhà riêng ở phường NH, thành phố HG, tỉnh Hà Giang. Ngày 12/6/2024, bà T được phân công trực và tham gia cùng Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đi thống kê thiệt hại trên địa bàn. Ngoài ra, do ảnh hưởng mưa lớn, nhà của bà T cũng bị ngập lụt, nhiều tài sản thiệt hại cần có thời gian để khắc phục thiệt hại. Các lý do trên đã ảnh hưởng đến việc kháng cáo đúng hạn (ngày 12/6/2024) của bà Chúng Hương T là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại L giữ nguyên nội dung đã kháng cáo; nhất trí với mức bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại mà án sơ thẩm đã xác định là 281.228.980 đồng nhưng vẫn đề nghị HĐXX phúc thẩm buộc bị cáo phải bồi thường 70% số tiền này. Đại diện VKSQS Quân khu 2 giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSQS Quân khu 2 nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Kháng nghị của Viện trưởng VKSQS Quân khu 2 và kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị hại Chúng Đức L là hợp lệ.

Đối với nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Căn cứ biên bản ghi lời khai của những người làm chứng và các dấu vết để lại ở hiện trường đều phản ánh trước khi xảy ra tai nạn, bị hại L điều khiển xe mô tô lấn sang phần đường bên trái theo chiều đi của mình để vượt xe mô tô đi cùng chiều, bị cáo H điều khiển xe ở phần đường của mình đi chiều ngược lại vào cua trái, chệch ra phần giữa đường và hai xe xảy ra va chạm. Đặc biệt lời khai của những người làm chứng Hoàng Văn T4 (người điều khiển xe đi trước xe của bị hại L), Nguyễn Thị H2 (ngồi sau xe T4) đều xác định việc xe bị hại L vượt xe của mình và vị trí va chạm giữa hai xe ở khoảng giữa đường rồi đổ xuống đường nằm ở phần đường bên phải hướng TB đi NĐ, là phần đường của bị hại L.

Từ phân tích ở trên cho thấy, cả bị cáo H và bị hại L đều có lỗi vi phạm Luật giao thông đường bộ là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn. Bị cáo H vi phạm khoản 1 Điều 17 Luật giao thông đường bộ, điều khiển xe mô tô đi trên đoạn

đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau đã không giảm tốc độ, không đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình. Bị hại L vi phạm khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ, điều khiển xe mô tô vượt xe phía trước cùng chiều không bảo đảm an toàn khi có xe mô tô của bị cáo H đi ngược chiều đến. Những vi phạm luật giao thông trên của bị cáo và bị hại dẫn đến hai xe va chạm ở khoảng giữa đường. Bản án sơ thẩm đã xác định lỗi 50% mỗi bên đối với bị cáo và bị hại là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xác định bị cáo có lỗi 70% để tăng mức bồi thường như nội dung kháng cáo của bà đã nêu.

Việc bị cáo H điều khiển xe mô tô tham gia giao thông “không có giấy phép lái xe theo quy định”, “trong tình trạng sử dụng rượu, bia trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định” (0,173 mg/l khí thở), vượt quá mức tối thiểu cho phép đối với người điều khiển xe mô tô là 0,25 mg/l khí thở theo quy định tại Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt. Đây là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt mà bị cáo phải chịu về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS và cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo đến nay đã có hiệu lực pháp luật, đây không phải là những lỗi vi phạm giao thông là nguyên nhân chính dẫn đến hậu quả vụ tai nạn.

- Đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng VKSQS Quân khu 2: Cấp sơ thẩm căn cứ mức lương tối thiểu vùng tại nơi người được cấp dưỡng đang cư trú là 3.250.000 đồng/ người/ tháng để tính toán mức cấp dưỡng là bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP).

Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 71, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bị hại L và vợ là chị Lý Thị T2 đều có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung là cháu Chúng Thị Thảo N và cháu Chúng Ngọc T5 là như nhau, tức là mức cấp dưỡng của bị hại L = 50% mức cấp dưỡng đối với mỗi con của mình = 1.625.000 đồng/ người/ tháng. Trong vụ án này, bị hại L và bị cáo H đều có lỗi 50% nên H được khấu trừ 50% nghĩa vụ cấp dưỡng, chỉ phải chịu $\frac{1}{2}$ mức cấp dưỡng của bị hại L đối với cháu Chúng Thị Thảo N và cháu Chúng Ngọc T5: $1.625.000 \text{ đồng} / 2 = 812.500 \text{ đồng} / \text{người} / \text{tháng}$.

- Tại phiên toà, chị Lý Thị T2 (vợ của bị hại L) đã nộp đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm và giấy chứng nhận hộ nghèo. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135 BLTTHS; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về án phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, VKS thấy có căn cứ để miễn án phí dân sự phúc thẩm cho đại diện hợp pháp của bị hại Chúng Đức L.

Từ sự phân tích trên, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 260; điểm a khoản 1 Điều 355 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2 về nội dung: Áp dụng Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589; khoản 4 Điều 585; các Điều 590, Điều 591 và Điều 601 BLDS buộc bị cáo Bàn Văn H phải bồi thường cho gia đình bị hại Chúng Đức L số tiền 140.614.490 đồng, đã bồi thường 59.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 81.614.490 đồng.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 260; điểm b khoản 1 Điều 355, ý 1 điểm d khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án quân sự khu vực Quân khu 2 về nội dung: Áp dụng Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, Điều 585, Điều 586; khoản 4 Điều 585; các Điều 590, 591 và Điều 601 BLDS buộc bị cáo Bàn Văn H cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Chúng Thị Thảo N từ ngày 20/8/2023, cháu Chúng Ngọc T5 từ ngày 19/10/2023 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, mỗi cháu 812.500 đồng/ tháng.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho đại diện hợp pháp của bị hại Chúng Đức L.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện hợp pháp và người đại diện theo ủy quyền của bị hại không nhất trí với tỷ lệ bồi thường và mức cấp dưỡng như ông đại diện VKS đã nêu, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên mức cấp dưỡng như án sơ thẩm đã tuyên vì với số tiền cấp dưỡng 812.500 đồng/ cháu/ tháng cùng với chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng của chị T2 và gia đình cũng không thể đủ để chăm sóc, nuôi dạy các cháu. Và cho rằng:

Bị hại L có lỗi ít hơn (chỉ một lỗi duy nhất). Do bị cáo H đã đi xe mô tô đâm vào bị thương nặng phải điều trị dài ngày do vết thương sọ não nặng. Gia đình bị hại đã tốn kém rất nhiều tiền của, công sức để cứu chữa nhưng bị hại L đã tử vong nhưng cấp sơ thẩm buộc bị cáo H bồi thường cho gia đình bị hại L 140.614.490 đồng là không hợp lý. Vì, trong bản án sơ thẩm HĐXX đã nhận định bị cáo H có nhiều lỗi vi phạm, làm 01 người chết và 02 người bị thương là bà V tổn thương 26%, chị H3 tổn thương 29%. Bản thân bị cáo là chiến sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam đã được giáo dục, rèn luyện có năng lực trình độ, hiểu biết về pháp luật song vẫn vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông.

Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét buộc bị cáo có lỗi 70%, bị hại L có lỗi 30%. Do, bị hại L đã chết nên bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại L với tỷ lệ 70% của số tiền 281.228.980 đồng mà án sơ thẩm đã tuyên tại Bản án số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 là 184.260.268 đồng đã bồi thường số tiền 59.000.000 đồng. Yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền còn lại là 125.260.286 đồng.

Bị cáo Bàn Văn H đề nghị HĐXX phúc thẩm giải quyết phần bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Đáp lại ý kiến của đại diện hợp pháp và người đại diện theo ủy quyền của bị hại; đại diện VKS cho rằng: Các chứng cứ, tài liệu xác định về tỷ lệ lỗi của bị cáo H và bị hại L đã được làm rõ tại phiên tòa và không phát sinh chứng cứ, tài liệu nào mới so với phiên tòa sơ thẩm về nội dung này. Việc xác định mức cấp dưỡng, án phí được thực hiện theo quy định của pháp luật. Do vậy, VKS giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX về bồi thường thiệt hại của bị cáo H đối với gia đình bị hại L theo tỷ lệ lỗi (50/50); sửa mức cấp dưỡng hàng tháng cho hai cháu Chúng Thị Thảo N, Chúng Ngọc T5 theo quy định của pháp luật; miễn án phí dân sự phúc thẩm cho đại diện hợp pháp của bị hại Chúng Đức Lương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng VKSQS Quân khu 2 là hợp lệ vì được thực hiện theo đúng thủ tục tố tụng và trong thời hạn luật định; kháng cáo của người diện hợp pháp theo ủy quyền của bị hại Chúng Đức L là hợp lệ vì được Hội đồng xét kháng cáo quá hạn của Tòa án quân sự Quân khu 2 chấp nhận kháng cáo quá hạn.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bản án hình sự Tòa án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo về tội danh, điều luật và hình phạt là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo và đã có hiệu lực pháp luật để thi hành.

[3] Về nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị hại Chúng Đức L: Bà Chúng Hương T nhất trí với nhận định của án sơ thẩm về tổng thiệt hại đối với gia đình bị hại L là 281.228.980 đồng nhưng bà T không đồng ý việc án sơ thẩm xác định lỗi của bị hại L là 50% và đề nghị HĐXX phúc thẩm xác định lỗi của bị cáo H là 70%, bị hại L là 30%, để tính toán buộc bị cáo phải bồi thường 70% trong tổng thiệt hại của gia đình bị hại L.

Từ diễn biến của vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Bàn Văn H điều khiển xe mô tô chở chị Lý Thị Thu H3, khi đi hết đoạn đường cua do không chú ý quan sát và giảm tốc độ, không đi về phía bên phải theo chiều đi của mình nên xe mô tô do bị cáo điều khiển đã đâm vào càng trước bên trái và trượt theo dọc xe mô tô do anh Chúng Đức L điều khiển chở bà Lăng Thị V đi theo chiều ngược lại, lấn sang phần đường xe ngược chiều, vượt một xe mô tô đi phía trước cùng chiều, chưa đi về phần đường bên phải theo chiều đi của mình đi tới. Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện tương ứng khoảng giữa đường, khiến cả hai phương tiện văng đổ xuống phần đường bên trái theo hướng xe mô tô do bị cáo H điều khiển (xã NĐ đi xã TB). Vụ tai nạn đã làm bà V, chị H3, anh L và bị cáo H bị thương; 02 xe mô tô hư hỏng.

Từ các tình tiết nêu trên cho thấy, bị cáo H và bị hại L đều có lỗi; nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vụ tai nạn xuất phát từ lỗi vô ý, không chấp hành đúng, đầy đủ các quy tắc, quy định khi tham gia giao thông đường bộ, lấn đường, không

giảm tốc độ, vượt, tránh xe không an toàn của bị cáo và bị hại. Đối với bị cáo H, mặc dù bị cáo đi đúng phần đường nhưng không giảm tốc độ và không đi về phía bên phải chiều đi của mình khi điều khiển xe mô tô tránh xe ngược chiều do anh L điều khiển trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt nên bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 17 Luật giao thông đường bộ về tránh xe đi ngược chiều; vi phạm trên là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vụ tai nạn giao thông. Đối với bị hại L khi tham gia giao thông đã điều khiển xe mô tô đi lấn sang phần đường xe ngược chiều để vượt xe đi phía trước cùng chiều, chưa đi về phần đường bên phải theo chiều đi của mình, làm cản trước bên trái xe mô tô do bị hại L điều khiển và quệt vào xe mô tô do bị cáo điều khiển ngược chiều đi tới đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 14; khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ cũng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vụ tai nạn giao thông về vượt xe đi cùng chiều, tránh xe đi ngược chiều. Hiện trường vụ tai nạn thể hiện đoạn đường không có giải phân cách, không có vạch kẻ đường ở giữa; điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện tương ứng khoảng giữa đường di chuyển của bị cáo và bị hại. Do vậy, bị cáo và bị hại đều phải chịu trách nhiệm về hình sự, bồi thường thiệt hại ngang nhau (lỗi 50/50). Do anh L đã chết nên không bị xem xét về trách nhiệm hình sự nhưng phải chịu 50 % trách nhiệm bồi thường thiệt hại của vụ án.

Do bị cáo H không có giấy phép lái xe theo quy định và đã sử dụng rượu, bia vẫn điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đã vi phạm khoản 9, Điều 8 Luật giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia nên bị cáo đã bị truy tố, xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo tình tiết định khung tăng nặng tại điểm a (Không có giấy phép lái xe theo quy định) và điểm b (Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định) khoản 2 Điều 260 BLHS.

Vì vậy, HĐXX phúc thẩm có đủ cơ sở để khẳng định án sơ thẩm buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo phần lỗi mà bị cáo đã gây ra cho gia đình bị hại L theo quy định tại Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, Điều 585; Điều 586; khoản 4 Điều 585; Điều 590, Điều 591 và Điều 601BLDS là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị của đại diện VKSQS Quân khu 2 tại phiên tòa về xác định lỗi và tỷ lệ bồi thường của bị cáo và bị hại là có căn cứ chấp nhận. Việc bà Chúng Hương T đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét buộc bị cáo có lỗi 70%, bị hại 30% để tăng mức bồi thường cho gia đình bị hại như bà đã nêu trong đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về kháng nghị của Viện trưởng VKSQS Quân khu 2 đề nghị sửa Bản án hình sự sơ thẩm để giảm mức cấp dưỡng của bị cáo đối với hai con của bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Lý Thị T2 (vợ của bị hại L) xác định: Anh L và chị T2 có hai con, con gái lớn là Chúng Thị Thảo N sinh ngày 26/11/2020. Con gái nhỏ là Chúng Ngọc T5 sinh ngày 19/10/2023 (sau khi anh L bị tai nạn 02 tháng) là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Giấy khai sinh số 225/2020 do UBND xã TB, huyện VX, tỉnh Hà Giang cấp ngày 08/12/2020; Giấy khai sinh số 154/2023 do UBND xã TB, huyện VX, tỉnh Hà Giang cấp ngày 22/11/2023; lý

lịch bị hại của bị hại Chúng Đức L do công an xã TB cấp ngày 30/8/2023. Vì vậy, HĐXX có đủ căn cứ xác định con gái lớn của bị hại Lương tên là Chúng Thị Thảo N; cấp sơ thẩm xác định con gái lớn của bị hại Lương tên là Chúng Thảo N là chưa chính xác.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị hại Chúng Đức L có hai con, cháu Chúng Thị Thảo N sinh ngày 26/11/2020; cháu Chúng Ngọc T5 sinh ngày 19/10/2023. Trước khi bị xâm hại sức khỏe, tính mạng thì anh L và vợ là chị T2 đều phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con nên bị cáo H phải có trách nhiệm cấp dưỡng đối với hai cháu thay cho phần của bị hại L. Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nhưng không thấp hơn 01 tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người được cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng là 3.250.000 đồng, vì vợ chồng anh L là lao động tự do, làm ruộng không có thu nhập ổn định là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP về mức cấp dưỡng, thời điểm cấp dưỡng đối với cháu Chúng Thị Thảo N từ thời điểm sức khỏe của bị hại L bị xâm hại và đối với cháu Chúng Ngọc T5 từ thời điểm được sinh ra (19/10/2023).

Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào mức độ lỗi của bị cáo H cũng như bị hại L để xác định tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 3.250.000 đồng x 50%/ 01 cháu = 1.625.000 đồng/ cháu, với cháu N từ ngày 20/8/2023 đến ngày cháu đủ 18 tuổi, với cháu T5 từ ngày 19/10/2023 đến ngày cháu đủ 18 tuổi là chưa đúng quy định của pháp luật. Vì, theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 585 BLDS; khoản 4 Điều 3, khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP thì trong thời kỳ hôn nhân, anh L và vợ là chị Lý Thị T2 đều phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con là cháu Chúng Thị Thảo N và cháu Chúng Ngọc T5 như nhau, bằng 50% mức lương tối thiểu vùng tại nơi người được cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng là 3.250.000 đồng x 50%/ 01 cháu = 1.625.000 đồng/ cháu. Trong vụ án này, anh L và bị cáo H đều có lỗi 50% nên H được khấu trừ 50% nghĩa vụ cấp dưỡng theo tỷ lệ lỗi của bị hại L gây ra nên H chỉ phải chịu 50% phần cấp dưỡng mà bị hại L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu T5 khi anh L còn sống ($1.625.000 \text{ đồng} / 2 = 812.500 \text{ đồng} / \text{cháu} / \text{tháng}$). Do vậy, quan điểm của VKS về nội dung này là có cơ sở chấp nhận; đề nghị của bà Chúng Hương T về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135 BLTTHS; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về án phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì: Kháng cáo của bà Chúng Hương T về tăng mức bồi thường thiệt hại không được HĐXX phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, gia đình chị Lý Thị T2 (vợ của bị hại L) thuộc diện hộ nghèo và tại phiên tòa chị T2 có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm, nên HĐXX đã xem xét miễn án phí dân sự phúc thẩm cho đại diện hợp pháp của bị hại Chúng Đức L.

Vì các lẽ trên, căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 260; ý 1 điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; ý 1 điểm d khoản 1 Điều 357 BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị hại Chúng Đức L về việc đề nghị HĐXX phúc thẩm xác định lỗi của bị cáo H là 70%, bị hại L là 30% để tính toán buộc bị cáo phải bồi thường 70% trong tổng thiệt hại của gia đình bị hại L như cấp sơ thẩm đã tuyên. Giữ nguyên một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 2 về bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Chúng Đức L. Nay tuyên:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 các Điều 584, Điều 585, Điều 586; khoản 4 Điều 585; Điều 590, Điều 591 và Điều 601 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Bàn Văn H phải bồi thường cho gia đình bị hại Chúng Đức L số tiền 140.614.490 (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi) đồng. Bị cáo đã bồi thường 59.000.000 (Năm mươi chín triệu) đồng, còn phải bồi thường tiếp 81.614.490 (Tám mươi một triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi) đồng.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Quân khu 2 đề nghị giảm mức cấp dưỡng của bị cáo Bàn Văn H đối với hai con của bị hại Chúng Đức L theo quy định của pháp luật. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án quân sự khu vực Quân khu 2 về mức cấp dưỡng. Nay tuyên:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các Điều 584, Điều 585, Điều 586; khoản 4 Điều 585; Điều 590, Điều 591 và Điều 601 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Bàn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Chúng Thị Thảo N (sinh ngày 26/11/2020) mỗi tháng 812.500 (Tám trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng từ ngày 20/8/2023 đến ngày cháu đủ 18 tuổi và cháu Chúng Ngọc T5 (sinh ngày 19/10/2023) mỗi tháng 812.500 (Tám trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng từ ngày 19/10/2023 đến ngày cháu đủ 18 tuổi.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được bồi thường nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì họ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho đại diện hợp pháp của bị hại Chúng Đức L.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 8 năm 2024)./.

Nơi nhận:

- TAQSTW:
- VKSQSTW:
- VKSQSQK2:
- TAQSKV QK2:
- VKSQSKV22:
- CQĐTHSKV3 - QK2:
- Cơ quan THAHSQK2:
- Phòng THAQK2:
- Trại tạm giam QK2:
- Bị cáo Bàn Văn H:
- Đại diện hợp pháp của bị hại:
- Phòng TTTL & QLLLTP TAQSTW;
- Lưu Hồ sơ; tiểu HS THAHS; Th14.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

3// Lương Hữu Thật